

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **151/2023/DS - ST**
Ngày 28- 7- 2023
V/v tranh chấp “*Hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm;
2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/QĐST –DS ngày 20/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp VP, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp VP, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp VP, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Vũ Đình T trình bày:

Vào ngày 30/02/2020 ông có tham gia chơi hụi với bà Phạm Thị L, hụi do bà L làm chủ hụi, ông là hụi viên, ông tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi khai ngày 30/02/2020, hụi 2.000.000 đồng, gồm 25 phần, 25 hụi viên, mãn hụi ngày 10/4/2022, ông tham gia 02 phần, ông trực tiếp đóng hụi cho bà L được 17 tháng (17 lần) với tổng số tiền thực tế đóng là 47.900.000 đồng,

sau đó ông thấy hội không minh bạch nên ông không đóng tiếp, đến nay hội đã mãn. Dây hội đã mãn nhưng bà L không giao trả lại số tiền ông đã góp hội cho bà L.

Dây thứ 2: Hội khai ngày 10/10/2020, hội 2.000.000 đồng, gồm 17 phần, 17 hội viên, mãn hội ngày 20/5/2022, ông tham gia 02 phần, ông trực tiếp đóng hội cho bà L được 07 tháng (07 lần) với tổng số tiền thực tế đóng là 19.500.000 đồng, sau đó ông thấy hội không minh bạch nên ông không đóng tiếp, đến nay hội đã mãn. Dây hội đã mãn nhưng bà L không giao trả lại số tiền ông đã góp hội cho bà L.

Tổng cộng hai dây hội ông có đóng cho bà L số tiền 67.400.000 đồng, đến nay bà L không trả lại cho ông.

Ông có là đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành giải quyết tại biên bản ngày 23/9/2022 bà L thừa nhận có thiếu ông số tiền 92.000.000 đồng (tính hội có lãi), tiền hội thực tế đóng 67.400.000 đồng và bà L có hứa giao trả cho ông nhưng vẫn không thực hiện.

Việc chơi hội giữa ông và bà L là do quen biết nên các bên tự thỏa thuận không có làm giấy tờ gì; bà L làm chủ hội để phát triển kinh tế gia đình, chồng bà L là ông Lê Văn Phú biết rõ việc chơi hội và biết rõ số tiền bà L còn nợ ông.

Tại phiên tòa ông yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Lê Văn P phải liên đới trách nhiệm giao trả cho ông một lần số tiền 67.400.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/7/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/7/2023 bà Phạm Thị L trình bày: Bà thừa nhận bà và chồng bà là ông Lê Văn P có thiếu ông Vũ Đình T số tiền 67.400.000 đồng do hiện nay kinh tế gia đình bà gặp khó khăn nên đến nay chưa trả cho ông T. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà và ông P đồng ý liên đới trách nhiệm giao trả cho ông T số tiền 67.400.000 đồng nhưng bà xin trả nợ dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả dần cho đến khi hết nợ.

Do bà bận công việc nên bà xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 30/6/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/6/2023 ông Lê Văn P trình bày: Ông là chồng bà L; bà L và ông T chơi hội như thế nào thì ông không biết. Ông có nghe bà L nợ tiền ông T. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông và bà L đồng ý liên đới trách nhiệm giao trả cho ông T số tiền 67.400.000 đồng nhưng ông xin trả nợ dần hàng tháng có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu, ông không hứa hẹn số tiền cụ thể, trả dần cho đến khi hết nợ.

Do ông bận công việc nên ông xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phạm Thị L có đăng ký thường trú tại ấp VP, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị L, ông Lê Văn P.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Vũ Đình T yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Lê Văn P phải liên đới trách nhiệm giao trả cho ông số tiền 67.400.000 đồng. Bà L, ông P thống đồng ý trả cho ông T số tiền 67.400.000 đồng nhưng xin trả nợ dần.

[5] Chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là biên bản hòa giải ngày 23/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành; đồng thời trong quá trình tố tụng bà L, ông P thừa nhận ông, bà có nợ ông T số tiền 67.400.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho ông T số tiền nêu trên nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét thấy hợp đồng góp hui giữa ông T với bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên; các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó ông T yêu cầu bà L phải có trách nhiệm giao trả cho ông số tiền 67.400.000 đồng là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 15, 19 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 Nghị định của Chính phủ về hui, họ, biều phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà L, ông P phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông số tiền 67.400.000 đồng. Xét thấy: Mặc dù ông P không trực tiếp chơi hui với ông T nhưng mục đích bà L chơi hui về lo phát triển kinh tế gia đình và sử dụng chung trong gia đình, đồng thời ông P cũng đồng ý liên đới với bà L để trả cho ông T số tiền 67.400.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc ông Lê Văn P có trách nhiệm liên đới với bà Phạm Thị L để trả cho ông T số tiền 67.400.000 đồng là phù hợp.

[8] Xét yêu cầu trả nợ dân của bà L, ông P. Xét thấy: Bà L là chủ, bà L có trách nhiệm thu tiền từ hội viên và giao cho hội viên hốt hội, tuy nhiên do bà L không thực hiện đúng như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông T. Mặt khác tại phiên tòa thì ông T cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dân của bà L, ông P nên yêu cầu trả nợ dân của bà L, ông P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Phạm Thị L và ông Lê Văn P phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $67.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.370.000 \text{ đồng}$.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 471, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 Nghị định của Chính phủ về hội, họ, biểu phùng;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình T. Buộc bà Phạm Thị L và ông Lê Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Đình T số tiền 67.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phạm Thị L và ông Lê Văn P phải liên đới nộp là 3.370.000 đồng.

Ông Vũ Đình T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 1.685.000 đồng theo biên lai thu số 0004312 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

